TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 92/2026/DS-PT Ngày: 21-01-2026 "V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số lý 848/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 192/2025/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 828/2025/QĐ-PT ngày 12 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Quang N, sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Số E, khu phố E, phường D, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay phường T, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành V, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Số nhà B, đường H, khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay phường L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1963; địa chỉ: Khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hà Hoàng T, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay xã T, tỉnh Hậu Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Quang N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 12 năm 2024 và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Quang N; người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Ngày 20-10-2023, ông N cho ông V vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời gian vay 6 tháng, mục đích vay để sử dụng cho gia đình. Ông V có đóng lãi cho ông N được 02 tháng x 15.000.000 đồng là 30.000.000 đồng. Đến hạn ông V không trả vốn và lãi cho ông N. Nay ông N yêu cầu ông V trả cho ông N số tiền vốn vay là 500.000.000 đồng và lãi suất theo quy định 20%/năm 6 tháng đầu và 10%/năm từ tháng thứ 7 đến khi xét xử sơ thẩm.

Ông N xác định ngày 22-7-2024 tiền ông T chuyển khoản cho ông N 541.618.000 đồng là tiền giao dịch giữa ông N và ông T, không liên quan đến khoản nợ của ông V.

Tại phiên toà, người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông N yêu cầu ông V trả tiền vốn vay 500.000.000 đồng; tiền lãi 20%/năm 6 tháng đầu và 10%/năm từ tháng thứ 7 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn ông Nguyễn Thành V do ông Trần Văn H là người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Ông V không có quan hệ họ hàng với ông N. Ông V quen biết nên có vay tiền ông N. Ông V xác định có vay ông N 500.000.000 đồng nhưng ông V đã trả xong số tiền đó. Ông V không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông N.

Ngày 20-10-2023, ông V vay ông N 500.000.000 đồng, hẹn 6 tháng trả lại tiền vốn, lãi. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất khi nào trả vốn thì tính lãi. Ông V vay tiền để mua bán hàng hóa. Giấy vay tiền đề ngày 20-10-2023 là do ông V viết và ký tên. Ngày 22-7-2024, ông V có nhờ nhân viên của ông V là Hà Hoàng T chuyển khoản trả tiền cho ông N 02 lần cụ thể:

- Lần 1: Ngày 22-7-2024, trả số tiền 441.618.000 đồng.
- Lần 2: Ngày 22-7-2024, trả tiếp 100.000.000 đồng.

Lý do trả 02 lần vì mỗi lần không được chuyển khoản quá 500.000.000 đồng. Tổng cộng, ông V đã trả cho ông N 02 lần là 541.618.000 đồng. Trong đó, tiền vốn vay đã trả là 500.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 20-10-2023 cho đến ngày trả tiền 22-7-2024 là 41.618.000 đồng. Như vậy, ông V đã trả đủ số tiền vốn vay, tiền lãi cho ông N.

Ông V xác định số tiền ông T chuyển khoản cho ông N là tiền trả nợ giùm cho ông V. Giữa ông T và ông N không có làm ăn gì cả. Đề nghị Tòa án mời ông T lên làm việc thì sẽ rõ. Ông V cung cấp Căn cước công dân và địa chỉ của Hà Hoàng T cho Toà án. Đề nghị Tòa án mời Hà Hoàng T lên Tòa tham gia tố tụng. Ông V đã gọi điện, nhắn tin nhiều lần nhưng ông T không lên Toà án được vì bận công việc đi làm. Ông T đã gửi cho ông V sao kê Ngân hàng và chụp căn cước công dân gửi qua Zalo cho ông V. Ông V nghĩ đã chuyển khoản trả nên đã quên mất việc lấy lại Giấy nợ gốc mà ông Lê Quang N đang giữ. Trong quá trình hoà

giải ông V cũng nhờ Toà án gọi điện cho ông T để xác định sự thật. Ông T cũng đã xác định số tiền 541.618.000 đồng là ông T chuyển khoản giùm ông V để trả nợ cho ông N.

Tại phiên toà, người đại diện uỷ quyền của bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông V đã trả tiền xong cho ông N. Căn cứ là số tiền ông T đã trả giùm cho ông V 541.618.000 đồng vào ngày 22-7-2024. Trong đó tiền vốn vay 500.000.000 đồng, tiền lãi 41.618.000 đồng. Ông T là nhân viên của ông V nên ông V mới nhờ chuyển giùm. Sau khi ông N khởi kiện vào ngày 17-3-2025, ông T đã sao kê tài khoản Ngân hàng gửi về cho ông V nộp cho Toà án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Hoàng T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 192/2025/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh đã căn cứ

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 464, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang N buộc ông Nguyễn Thành V trả số tiền vốn vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử 04-9-2025 là 88.275.000 (tám mươi tám triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng. Tổng cộng là 588.275.000 (năm trăm tám mươi tám triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

2. Về án phí: Ông Lê Quang N phải chịu 27.531.000 (hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng ông N đã nộp 13.660.000 (mười ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011951 ngày 20-01-2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh (nay Phòng thi hành án dân sự Khu vực 10 – Tây Ninh). Ông N còn phải chịu 13.871.000 (mười ba triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 18/9/2025, nguyên đơn ông Lê Quang N kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với N1 về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn ông Lê Quang N trình bày nội dung kháng cáo cho rằng số tiền ông T chuyển khoản cho ông T nợ ông, ông không đồng ý việc ông T xác định tiền này ông V nhờ ông T trả nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo và quan điểm giải quyết vụ án đối với kháng cáo của nguyên đơn: Kiểm sát viên phân tích nội dung kháng cáo của nguyên đơn, cho rằng nguyên đơn kháng cáo không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Quang N được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, ông Lê Quang N có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt đã được tố đạt hợp lệ. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông Lê Quang N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thành V trả số tiền vốn vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử 04-9-2025 là 88.275.000 (tám mươi tám triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng. Tổng cộng là 588.275.000 (năm trăm tám mươi tám triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông N kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm. Các đương sự còn lại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, liên quan đến nội dung kháng cáo của đương sự.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Quang N , thấy rằng:

khởi kiện của nguyên đơn: Ông N khởi kiện yêu cầu ông V có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vốn vay 500.000.000 đồng; lãi suất 20%/năm 6 tháng đầu và 10%/năm các tháng tiếp theo đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ là Giấy vay tiền đề ngày 20-10-2023, chữ viết, chữ ký của ông V (BL 39). Bị đơn ông V xác định có vay ông N số tiền 500.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 20-10-2023 nhưng ông V đã trả cho ông N xong ngày 22-7-2024. Ông V đã nhờ ông T là nhân viên của ông chuyển khoản cho ông N 02

lần vào ngày 22-7-2024. Ông V có cung cấp cho Toà án giấy chi tiết tài khoản khách hàng ngày 17-3-2025 do ông T gửi cho ông V (BL 57).

Trong bản chi tiết tài khoản khách hàng cũng thể hiện lúc 14 giờ 40 phút 09 giây ông T có chuyển cho ông N số tiền 441.618.000 đồng. Lúc 14 giờ 41 phúc 30 giây ông T có chuyển cho ông N 100.000.000 đồng. Ngày 19-5-2025, trong buổi hoà giải Toà án cấp sơ thẩm có gọi điện cho ông T và mở loa lớn cho ông T1, ông V nghe cuộc nói chuyện giữa Toà án với ông T thì ông T cũng xác định số tiền 541.618.000 đồng ngày 22-7-2024, ông T chuyển khoản cho ông N là trả giùm tiền cho ông V.

Tại phiên toà sơ thẩm, ông T1 cũng xác định có nghe cuộc điện thoại Toà án gọi cho ông T xác định số tiền 541.618.000 đồng là ông T trả giùm cho ông V. Tại phiên tòa phúc thẩm ông N thừa nhận ông N có nhận số tiền 541.618.000 đồng do ông T chuyển khoản vào tài khoản của ông, nhưng ông N cho rằng đây là tiền ông T nợ ông. Thấy rằng, ông T xác định ông V nhờ ông chuyển trả tiền cho ông N nên Tòa án cấp sơ không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Ông N và ông T nếu có tranh chấp về tiền nợ thì khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, ông N kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở chấp nhận. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Quang N.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 192/2025/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 464, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang N buộc ông Nguyễn Thành V trả số tiền vốn vay 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng, tiền lãi tính đến ngày xét xử 04-9-2025 là 88.275.000 (tám mươi tám triệu hai trăm

bảy mươi lăm nghìn) đồng. Tổng cộng là 588.275.000 (năm trăm tám mươi tám triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Quang N phải chịu 27.531.000 (hai mươi bảy triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng ông N đã nộp 13.660.000 (mười ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0011951 ngày 20-01-2025 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh (nay Phòng thi hành án dân sự Khu vực 10 – Tây Ninh). Ông N còn phải nộp tiếp 13.871.000 (mười ba triệu tám trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc ông Lê Quang N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm. Khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004463 ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự:

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND khu vực 10 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng THADS KV 10 - Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Hồng Vân